There are no translations available.

- B trƷ ng B GD-ŎT Ph m VƵ Lu n chính th c ban hành Quy t ŏ nh s 3538 Phê duy t PhƷăng án thi t t nghi p THPT và tuy n sinh ŎH, CŎ t nŁm 2015. Theo ŏó, k thi THPT qu c gia nŁm 2015
s ŏƷ c t ch c trong các ngày 9, 10, 11 và 12/6
.

Thi t i thi u 4 môn

Quy□t đ□nh c□a B□ GD-ĐT nêu rõ v□ ph□□ng th□c t□ ch□c k□ thi THPT qu□c gia. C□ th□, v□ môn thi: Đ□ đ□□c xét công nh□n t□t nghi□p THPT và xét tuy□n sinh vào các tr□□ng đ□i h□c, cao đ□ng, thí sinh ph□i thi 4 môn (g□i là 4 môn thi t□i thi□u) g□m 3 môn b□t bu□c là Toán, Ng□ văn, Ngo□i ng□ và 1 môn t□ ch□n trong s□ các môn V□t lí, Hóa h□c, Sinh h□c, L□ch s□ và Đ□a lí.

Ngoài 4 môn thi t□i thi□u, thí sinh có th□ đăng ký thi thêm các môn khác trong s□ các môn t□ ch□n đ□ có thêm c□ h□i xét tuy□n vào ĐH, CĐ.

□nh Văn Chung

Thí sinh đã t□t nghi□p THPT các năm tr□□c ch□ đăng ký các môn thi ph□c v□ cho tuy□n sinh ĐH, CĐ.

Thí sinh không h□c môn Ngo□i ng□ ho□c h□c trong đi□u ki□n không đ□m b□o ch□t l□□ng đ□□c ch□n môn thi thay th□ môn Ngo□i ng□ trong s□ các môn t□ ch□n. Thí sinh có ch□ng ch□ Ngo□i ng□ theo quy đ□nh do B□ GDĐT công b□ s□ đ□□c mi□n thi t□t nghi□p THPT môn Ngo□i ng□.

V ŏ thi: Các môn Toán, Ng□ văn, L□ch s□, Đ□a lí: Thi t□ lu□n, th□i gian thi 180 phút; Các môn V□t lí, Hóa h□c, Sinh h□c, Ngo□i ng□: Thi tr□c nghi□m, th□i gian thi 90 phút. Đ□ thi đánh giá

thí sinh 4 m□c đ□ nh□n bi□t, thông hi□u, v□n d□ng và v□n d□ng cao, đ□m b□o phân hóa trình đ□ thí sinh.

Thí sinh đã t□t nghi□p THPT các năm tr□□c ch□ đăng ký các môn thi ph□c vu cho tuy□n sinh ĐH, CĐ.

V t ch c thi: Vi□c coi thi, ch□m thi đ□□c t□ ch□c theo c□m. B□ GD-ĐT s□ công b□ các c□m thi và giao nhi□m v□ ch□ trì t□ ch□c coi thi, ch□m thi cho các tr□□ng đ□i h□c đ□ năng l□c.

Xét công nh n t t nghi p THPT: Các s□ GD-ĐT k□t h□p s□ d□ng k□t qu□ 4 môn thi t□i thi□u v□i đi□m trung bình c□ năm l□p 12 và đi□m khuy□n khích (n□u có) đ□ xét công nh□n t□t nghi□p THPT.

Các tr□□ng ĐH, CĐ tuy□n sinh theo các ph□□ng th□c khác ph□i xây d□ng và công b□ công khai Đ□ án T□ ch□ tuy□n sinh theo quy đ□nh c□a quy ch□.

T□i các đ□a ph□□ng không có c□m thi do tr□□ng ĐH ch□ trì, nh□m t□o đi□u ki□n thu□n l□i cho nh□ng thí sinh tham d□ k□ thi ch□ đ□ xét công nh□n t□t nghi□p THPT, B□ GD-ĐT s□ th□ng nh□t v□i UBND c□p t□nh t□ ch□c m□t s□ c□m thi do các s□ GD-ĐT ch□ trì.

Các s□ GD-ĐT, C□c Nhà tr□□ng (B□ Qu□c phòng) t□ ch□c cho thí sinh đăng ký d□ thi vào trung tu□n tháng 3, chuy□n d□ li□u v□ B□ GD-ĐT gi□a tháng 4 hàng năm.

K□ thi THPT qu□c gia hàng năm đ□□c t□ ch□c vào trung tu□n tháng 6**NŁm 2015, k thi s ǒƷ c t ch c trong các ngày 9, 10, 11 và 12/6.**

Tr□□c ngày 1/1 hàng năm các ĐH, HV, các tr□□ng ĐH, CĐ công b□ m□c đ□ và cách th□c s□ d□ng k□t qu□ c□a k□ thi đ□ tuy□n sinh. Căn c□ k□t qu□ thi b□ công b□ ng□□ng đi□m xét tuy□n t□i thi□u đ□i v□i t□ng môn. Các tr□□ng ĐH, CĐ s□ d□ng k□t qu□ k□ thi d□a trên ng□□ng đi□m này đ□ tuy□n sinh theo quy đ□nh c□a quy ch□.

Thi qu c gia trƷ c, ŏŁng ký tuy n sinh ŎH sau

Đi□m thi c□a thí sinh trong k□ thi đ□□c s□ d□ng đ□ xét công nh□n t□t nghi□p THPT và tuy□n sinh ĐH, CĐ. Do v□y, thí sinh s□ thi qu□c gia tr□□c, đăng ký tuy□n sinh vào ngành và tr□□ng ĐH, CĐ sau khi có k□t qu□ thi qu□c gia.

S□ li□u th□ng kê c□a B□ th□ hi□nnh□t trí nên t□ ch□c kì thi THPT qu□c gia t□ năm 2015:

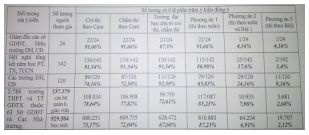

Đối tượng xét tuyển	Số lượng người tham gia	Số lượng và tỉ lệ phân trăm 2 kiểu đăng ký					
		Cả đợt theo Cụm	Chẵn thì theo Cụm	Trường đại học cho tỉ cả đợ, chẵn thì	Phương án 1 (Đã theo nhóm)	Phương án 2 (Đã theo nhóm và Đợ)	Phương án 3 (Đã theo Đợ)
Giám đốc các sở GDĐT, Hiệu trưởng ĐH, CĐ	24	22/24 91,66%	22/24 91,66%	21/24 87,5%	22/24 91,66%	1/24 4,16%	1/24 4,16%
HSG nghề đăng kết xét học PT, TN, TCCN	142	130/142 91,54%	130/142 91,54%	130/142 91,54%	113/142 80,98%	25/142 17,6%	2/142 1,4%
Các trường ĐH, CĐ	120	89/120 74,16%	87/120 72,50%	111/120 92,50%	79/120 65,83%	29/120 24,16%	11/120 9,16%
Tất trường THPT và TT GDTX thuộc 63 Sở GDĐT và Các Nhà trường	137,379 người thuộc 63 giấy tiếp	118,834 86,64%	106,908 77,82%	99,759 72,61%	117,087 85,23%	10,955 7,96%	3,681 2,68%
	929,884 học sinh	680,231 73,17%	669,755 72,04%	628,472 67,60%	810,883 87,23%	64,224 6,91%	19,707 2,12%

Theo B□ GD-ĐT, nh□ v□y, đ□i v□i tuy□n sinh ĐH, CĐ đã tách khâu thi và khâu xét tuy□n, t□o c□ h□i cho thí sinh vào h□c các tr□□ng ĐH, CĐ phù h□p v□i năng l□c và nguy□n v□ng c□a mình, tránh s□ r□i ro nh□ nh□ng năm tr□□c đây có nh□ng thí sinh đi□m thi cao nh□ng v□n có th□ tr□□t ĐH.

C ŏ a ph ƷƗng và trƷ ng ŏ i h c cùng t ch c thi

V□ t□ ch□c thi, đ□ đ□m b□o tính nghiêm túc, tính chính xác, khách quan và đ□ tin c□y c□a k□t qu□ thi s□ b□ trí t□ ch□c coi thi, ch□m thi theo các C□m thi t□p trung. Công tác coi thi, ch□m thi s□ có s□ tham gia c□a cán b□, gi□ng viên các tr□□ng ĐH, CĐ cùng v□i giáo viên các tr□□ng THPT.

Các thí sinh d□ thi ch□ đ□ xét công nh□n t□t nghi□p THPT, không tham gia xét tuy□n vào các tr□□ng ĐH, CĐ có s□ d□ng k□t qu□ c□a K□ thi đ□ tuy□n sinh, s□ d□ thi t□i các C□m thi t□i đ□a ph□□ng do các S□ GD-ĐT ch□ trì, ph□i h□p v□i các tr□□ng ĐH, CĐ.

Còn v□i các thí sinh d□ thi đ□ xét t□t nghi□p và s□ d□ng k□t qu□ vào tuy□n sinh ĐH, CĐ thì s□ d□ thi t□i các C□m thi □ các tr□□ng ĐH (t□□ng t□ nh□ các C□m thi ĐH năm 2014) do các tr□□ng ĐH ch□ trì, ph□i h□p v□i các s□ GDĐT

Trong 3 ph□□ng án mà B□ đã công b□ tr□□c đây, ph□□ng án đ□□c l□a ch□n này chính là ph□□ng án 1 đ□□c hoàn thi□n sau khi B□ GD-ĐT tham kh□o ý ki□n trên di□n r□ng.

VŁn Chung - Ngân Anh